

Số: 5396/QĐ-DCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đo lường và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg, ngày 23/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 01/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT, ngày 24/07/2023 của Hội đồng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3342/QĐ-DCT ngày 05/09/2025 của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 3344/QĐ-DCT ngày 05/09/2025 của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đo lường và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế toàn bộ các văn bản hướng dẫn, thông báo trước đây có nội dung liên quan về đo lường và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2024 trở về trước thuộc trình độ đại học thực hiện



theo thông báo của Trường. Trường các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QLCL.



PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh



**QUY ĐỊNH ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA
HỌC PHẦN VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~539~~ ngày ~~31~~ tháng ~~12~~ năm ~~2025~~ của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định cách thức triển khai đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn bản này áp dụng đối với người học thuộc trình độ đại học từ khóa tuyển sinh 2024 và người học thuộc trình độ sau đại học từ khóa tuyển sinh 2026 tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcome – CLO) là yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành xong học phần.
- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome – PLO) là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đánh giá thông qua chuẩn đầu ra của các học phần cốt lõi (*).
- Học phần cốt lõi là học phần có đóng góp rõ nét trong việc đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp cho người học và được thực hiện trên ma trận học phần (curriculum mapping). Các học phần cốt lõi được đánh dấu (*) để phân biệt với các học phần khác trong chương trình đào tạo. Mỗi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải có ít nhất 2 học phần cốt lõi tham gia đánh giá.
- Dạy học tích cực là hoạt động dạy học mà trong đó giảng viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực và các hoạt động kiểm tra đánh giá một cách phù hợp để giúp người học đạt các chuẩn đầu ra môn học một cách chủ động.

5. Phương pháp dạy học tích cực là phương pháp mà giảng viên sẽ không đưa ra kết luận cuối cùng mà thay vào đó là việc đưa ra những gợi ý mang tính gợi mở vấn đề để cùng người học thảo luận, tìm ra kết quả cuối cùng.

Điều 3. Mục đích đo lường chuẩn đầu ra

Đo lường chuẩn đầu ra vừa giúp giảng viên và Nhà trường kiểm soát được chất lượng đào tạo, vừa giúp xác định những điểm cần cải thiện trong quá trình giảng dạy. Do đó, đo lường chuẩn đầu ra học phần nhằm giúp giảng viên kiểm soát chất lượng dạy học của học phần, làm căn cứ để giảng viên và bộ môn tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm giúp Nhà trường kiểm soát chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo và xác định các điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản của một hệ thống đo lường hiệu quả

Hoạt động đo lường và đánh giá phải tuân thủ nguyên tắc xác định đúng nội dung cần đo, bảo đảm rằng các chỉ số và thông tin được lựa chọn có liên quan và phản ánh đúng chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo. Việc đo lường phải được thực hiện theo phương pháp khoa học, sử dụng các công cụ, tiêu chí và quy trình đánh giá đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Kết quả đo lường không chỉ phục vụ công tác báo cáo mà còn phải được sử dụng làm đầu vào cho chu trình cải tiến liên tục theo mô hình PDCA nhằm hoàn thiện nội dung học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Nguyên tắc “xác định đúng thứ cần đo” và “đo đúng cách” là nền tảng cốt lõi bảo đảm hệ thống đo lường - đánh giá vận hành hiệu quả, minh bạch và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 5. Nguyên tắc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học

Đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra phải đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính khả thi; đảm bảo đo lường đúng mức độ đạt được chuẩn đầu ra cũng như năng lực của người học; đảm bảo tính nhất quán của kết quả qua các lần đánh giá cho cùng một đối tượng với một công cụ hay quy trình đánh giá trong điều kiện như nhau và đảm bảo tính khả thi của kế hoạch đánh giá, mức độ phù hợp của các phương pháp so với nguồn lực đơn vị.

Điều 6. Thang điểm đánh giá chuẩn đầu ra

1. Người học thuộc các trình độ của giáo dục đại học đạt chuẩn đầu ra học phần khi điểm đánh giá của từng chuẩn đầu ra học phần từ 4,0 trở lên (theo thang điểm 10).

2. Người học thuộc các trình độ của giáo dục đại học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo khi điểm đánh giá của từng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đạt từ 4,0 trở lên (theo thang điểm 10).

Điều 7. Thời điểm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Điểm chuẩn đầu ra học phần cốt lõi và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được tích lũy sau khi có kết quả học tập từng học kỳ và sau khi hoàn thành khóa học được công bố trên tài khoản học tập của người học.

2. Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện trước mỗi đợt xét tốt nghiệp hằng năm cho người học đã hoàn thành các điều kiện xét tốt nghiệp theo Quy định đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối với các học phần cốt lõi, khoa đào tạo có trách nhiệm thực hiện đánh giá sau khi kết thúc học kỳ và gửi kết quả đánh giá về Phòng Đào tạo theo đúng thời hạn và biểu mẫu quy định. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của từng người học để xét tốt nghiệp.

4. Đối với các học phần không phải học phần cốt lõi, khoa đào tạo có trách nhiệm thực hiện đánh giá sau khi kết thúc học kỳ và gửi kết quả đánh giá về Trung tâm Quản lý chất lượng theo đúng thời hạn và biểu mẫu quy định. Hàng năm, kết quả đánh giá phải được sử dụng làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh và cải tiến chất lượng học phần, đồng thời góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

CHƯƠNG II

LỰA CHỌN, SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Điều 8. Phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra

1. Phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra là cách tổ chức hoạt động dạy học trong đó, người học giữ vai trò trung tâm, chủ động tham gia vào quá trình chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ. Giảng viên đóng vai trò là người thiết kế, định hướng, hỗ trợ và tạo môi trường học tập. Toàn bộ quá trình dạy học được định hướng và đo lường bằng chuẩn đầu ra.

2. Giảng viên triển khai các phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra phải có trách nhiệm hướng dẫn người học phương pháp tự học và tự nghiên cứu; hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm, lựa chọn và kiểm chứng thông tin; khuyến khích sự hợp tác, trao đổi và tư duy phản biện; đồng thời phối hợp với người học trong việc hệ thống hóa, tổng hợp và củng cố kiến thức sau mỗi hoạt động học tập.

3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra phải được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm phát huy tính tích cực của người học, khuyến khích họ tham gia đầy đủ các hoạt động học tập và đạt kết quả cao.

4. Việc tổ chức dạy học theo phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra đòi hỏi giảng viên phải có năng lực chuyên môn vững vàng, kiến thức sâu rộng, khả năng

sự phạm tốt và tinh thần trách nhiệm cao trong việc quản lý, hỗ trợ và thúc đẩy quá trình học tập của người học.

5. Một số phương pháp dạy học tích cực gắn với chuẩn đầu ra được áp dụng, bao gồm:

- a) Phương pháp dạy học theo nhóm, trong đó giảng viên tổ chức thảo luận và hợp tác để phát triển kỹ năng giao tiếp, phối hợp và tư duy sáng tạo;
- b) Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên sử dụng tình huống thực tiễn hoặc mô phỏng để hỗ trợ người học phân tích và rút ra bài học kinh nghiệm;
- c) Phương pháp giải quyết vấn đề, đặt người học vào tình huống có mâu thuẫn nhận thức nhằm thúc đẩy tư duy phản biện và năng lực tìm kiếm giải pháp;
- d) Phương pháp nhập vai, cho phép người học thực hành xử lý tình huống trong môi trường giả lập;
- e) Phương pháp trò chơi học tập, tạo không khí học tập tích cực và tăng cường động lực thông qua các hình thức trò chơi phù hợp;
- f) Phương pháp dạy học dự án, yêu cầu người học thực hiện nhiệm vụ gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực tổng hợp và tạo sản phẩm đánh giá được;
- g) Phương pháp nghiên cứu – thực nghiệm, sử dụng thí nghiệm và quan sát để hình thành năng lực phân tích dữ liệu và tư duy khoa học;
- h) Phương pháp dạy học theo góc, cho phép người học luân chuyển qua các vị trí học tập với nhiệm vụ khác nhau, đáp ứng các phong cách học tập đa dạng.

Trong quá trình triển khai các phương pháp dạy học tích cực, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học phương pháp tự học và tự nghiên cứu; hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm, lựa chọn và kiểm chứng thông tin; khuyến khích sự hợp tác, trao đổi và tư duy phản biện; đồng thời phối hợp với người học trong việc hệ thống hóa, tổng hợp và củng cố kiến thức sau mỗi hoạt động học tập.

Giảng viên lựa chọn và vận dụng các phương pháp nêu trên căn cứ vào đặc thù của từng học phần, bảo đảm phù hợp với mục tiêu học tập, nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo. Cách thức triển khai chi tiết từng phương pháp được quy định tại Phụ lục 1 của văn bản này.

Điều 9. Nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả theo chuẩn đầu ra

1. Phương pháp dạy học phải phù hợp với chuẩn đầu ra. Mỗi phương pháp dạy học đều có ưu điểm và hạn chế nhất định; vì vậy, giảng viên phải lựa chọn phương pháp có khả năng hỗ trợ tốt nhất cho việc đạt chuẩn đầu ra của từng bài học và từng học phần. Nếu mục tiêu là truyền đạt nhanh nội dung, có thể ưu tiên phương pháp thuyết trình; nếu mục tiêu là phát triển tư duy sáng tạo, khám phá, thì cần lựa chọn các phương pháp dạy học tích cực như giải quyết vấn đề, nghiên cứu tình huống, dự án hoặc hợp tác nhóm,...

2. Phương pháp dạy học phải tương thích với nội dung học tập. Sự thống nhất giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp là nguyên tắc cơ bản của dạy học. Khi đã xác định được chuẩn đầu ra và nội dung của học phần, giảng viên phải lựa chọn phương pháp thể hiện rõ hoạt động học phù hợp với đặc trưng kiến thức cần hình thành. Một phương pháp chỉ thực sự hiệu quả khi bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa ba yếu tố: chuẩn đầu ra, nội dung và phương pháp dạy học tại từng thời điểm của quá trình dạy học.

3. Phương pháp dạy học phải đáp ứng hứng thú, đặc điểm người học và kinh nghiệm sư phạm của giảng viên. Giảng viên cần xem xét nhu cầu, hứng thú, khả năng và thói quen học tập của người học để lựa chọn phương pháp phù hợp. Với hoạt động tiếp nhận thông tin, có thể ưu tiên sử dụng phương pháp trực quan, nghe nhìn hoặc phương tiện đa phương tiện; với hoạt động xử lý thông tin, nên tăng cường các hoạt động tự phát hiện, thảo luận nhóm và giải quyết vấn đề. Giảng viên linh hoạt thay đổi phương pháp dạy học để bảo đảm tính đa dạng và hiệu quả trong tổ chức dạy học; đồng thời ưu tiên các phương pháp mà giảng viên và người học đã có kinh nghiệm.

4. Phương pháp dạy học phải phù hợp với điều kiện dạy học và khả năng tổ chức của Nhà trường. Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phải tính đến điều kiện thực tế như lớp học, sĩ số, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và môi trường học tập,... Phương pháp phù hợp là phương pháp có thể vận dụng hiệu quả trong bối cảnh hiện có và tối ưu hóa việc sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học theo định hướng sư phạm hiện đại.

5. Phương pháp kiểm tra - đánh giá phải phù hợp với chuẩn đầu ra và đặc trưng phương pháp dạy học. Công cụ, hình thức và tiêu chí đánh giá phải phản ánh đúng yêu cầu năng lực được xác định trong chuẩn đầu ra của học phần. Phương pháp kiểm tra - đánh giá phải tương thích với phương pháp dạy học đã sử dụng, bảo đảm đo lường được đúng mức độ nhận thức, kỹ năng và năng lực mà người học cần đạt.

Điều 10. Cách thức lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra

1. Khi xây dựng và rà soát đề cương các học phần trong chương trình đào tạo, khoa/bộ môn có trách nhiệm hướng dẫn giảng viên lựa chọn và sử dụng tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, bảo đảm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần (CLO) và chương trình đào tạo (PLO).

2. Việc lựa chọn tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ các nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả theo chuẩn đầu ra quy định tại Điều 9 của Quy định này; căn cứ mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra để lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng chủ đề/chương của học phần;

b) Mỗi học phần phải thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào

tạo; căn cứ ma trận này để lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá bảo đảm sự tương thích và đo lường chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra;

c) Cách thức triển khai một số phương pháp dạy học tích cực nhằm hỗ trợ giảng viên lựa chọn và áp dụng phương pháp phù hợp theo ma trận liên kết giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1 (cách thực thực hiện của một số phương pháp dạy học tích cực);

d) Căn cứ Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo sau đại học của Trường để xác định khối lượng giờ tự học tương ứng với từng loại hình tín chỉ (lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập,...), giảng viên có trách nhiệm thiết kế hoạt động tự học của người học (giao nhiệm vụ tự học, hướng dẫn tài liệu tham khảo, yêu cầu chuẩn bị bài trước khi lên lớp, rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn,...) đồng thời lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp để đánh giá kết quả tự học;

e) Giảng viên cần thiết kế đề tài, bài tập, dự án, tiểu luận hoặc khóa luận,... nhằm phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, tự định hướng và khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Rà soát và đánh giá phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Sau mỗi kỳ thi hoặc mỗi năm học, khoa/bộ môn có trách nhiệm tổ chức rà soát phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần trong chương trình đào tạo;

b) Việc rà soát, phân tích kết quả kiểm tra đánh giá của người học, phân tích đề thi và đề kiểm tra nhằm xác định mức độ phù hợp và mức độ tương thích của phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

c) Kết quả rà soát là căn cứ để điều chỉnh tổ hợp phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như điều chỉnh đề thi, hình thức đánh giá và quy trình kiểm tra đánh giá cho phù hợp.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA

Điều 11. Phương pháp đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra

1. Nhà trường và các đơn vị triển khai đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thông qua các phương pháp đánh giá trực tiếp, đánh giá gián tiếp, đánh giá định lượng và đánh giá định tính bảo đảm phù hợp với đặc trưng của chuẩn đầu ra. Khi cần thiết, các phương pháp chọn mẫu phù hợp có thể được sử dụng trong quá trình đánh giá. Các phương pháp đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, bao gồm:

a) Đánh giá trực tiếp là phương pháp yêu cầu người học thể hiện cụ thể kiến thức, kỹ năng và năng lực đã đạt được. Ở cấp học phần, giảng viên sử dụng các hình thức bao gồm bài kiểm tra, bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm, bài tập lớn, báo cáo, bài thuyết trình,

sản phẩm cá nhân/nhóm, dự án, nghiên cứu tình huống, hồ sơ học tập,... Ở cấp chương trình đào tạo, các hình thức bao gồm luận văn/khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, sản phẩm đánh giá cuối khóa, các kỳ thi đánh giá năng lực đặc thù, các kỳ thi chuẩn hóa nghề nghiệp, công trình nghiên cứu khoa học của người học, đánh giá của doanh nghiệp về kết quả thực tập hoặc trải nghiệm nghề nghiệp,...

b) Đánh giá gián tiếp dựa trên cảm nhận, phản hồi hoặc báo cáo của người học và các bên liên quan về mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Ở cấp học phần, có thể sử dụng tự đánh giá của người học, phản hồi về mức độ hiểu bài, nhật ký học tập, mức độ tham gia thảo luận hoặc hoạt động học tập,... Ở cấp chương trình đào tạo, các minh chứng bao gồm: khảo sát người học cuối khóa, khảo sát cựu người học, khảo sát nhà tuyển dụng, phỏng vấn người học, phản hồi của cố vấn học tập,...

c) Đánh giá định lượng là phương pháp sử dụng số liệu, thang đo và các kỹ thuật thống kê để phân tích mức độ đạt chuẩn đầu ra. Phương pháp này thường dựa trên điểm số, thang điểm mô tả mức độ biểu hiện của người học; công cụ rubric được ưu tiên sử dụng nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng và nhất quán;

d) Đánh giá định tính là phương pháp mô tả, phân tích và diễn giải chất lượng kết quả học tập của người học. Phương pháp định tính được sử dụng để đánh giá chiều sâu hiểu biết, mức độ vận dụng, thái độ học tập, khả năng phản biện hoặc sự phát triển năng lực thông qua các minh chứng học tập;

e) Đánh giá quá trình được thực hiện trong suốt quá trình học tập, có thể tính điểm hoặc không tính điểm, nhằm hỗ trợ người học hình thành và phát triển năng lực theo thời gian. Các hình thức bao gồm bài kiểm tra ngắn, bài tập về nhà, báo cáo tiến độ, thảo luận, thực hành, thuyết trình, phản hồi của giảng viên,...

f) Đánh giá cuối kỳ được thực hiện vào cuối học phần hoặc cuối chương trình nhằm xác định kết quả học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra. Các hình thức đánh giá cuối kỳ bao gồm bài thi kết thúc học phần, thi cuối kỳ, bài tập lớn, dự án cuối khóa, đồ án/luận văn tốt nghiệp, kỳ thi đánh giá năng lực,...

2. Nhà trường thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bằng phương pháp đánh giá trực tiếp, bảo đảm đo lường được năng lực thực tế của người học theo từng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 12. Quy trình đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra

Hoạt động đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra được thực hiện qua 8 bước, gồm: (1) Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra học phần; (2) Xây dựng bảng ma trận các chuẩn đầu ra học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; (3) Xây dựng đề/ngân hàng câu hỏi kiểm tra/thi học phần; (4) Tổ chức kiểm tra/thi và chấm điểm; (5) Nhập điểm kiểm tra/thi; (6) Đo lường chuẩn đầu ra học phần; (7) Đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; (8) Báo cáo đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra. Cụ thể:

1. Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra học phần

a) Chuẩn đầu ra học phần cần được rà soát và điều chỉnh (nếu cần) theo nguyên tắc: chuẩn đầu ra của học phần phải tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chỉ sử dụng một động từ (hoặc các động từ cùng mức độ năng lực) cho một chuẩn đầu ra; mỗi học phần chỉ nên thiết kế từ 3 đến 5 chuẩn đầu ra, trong trường hợp cần thiết có thể xây dựng chuẩn đầu ra cấp 2. Đối với các học phần lý thuyết hoặc học phần tích hợp cần phải có ít nhất 02 chuẩn đầu ra học phần cấp 1 đánh giá kiến thức, các chuẩn đầu ra học phần còn lại đánh giá về kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm;

b) Trưởng bộ môn/Chủ nhiệm học phần cập nhật, chỉnh sửa nội dung đánh giá học phần trong đề cương học phần cho phù hợp, lưu ý các nội dung sau: tất cả chuẩn đầu ra của học phần đều phải đánh giá; ghi rõ phương pháp đánh giá như quy định tại Điều 11; trình bày rõ các chuẩn đầu ra học phần cho từng nội dung đánh giá; mỗi hình thức đánh giá được gắn với thang điểm/tiêu chí đánh giá cụ thể; bộ môn và giảng viên xây dựng đề thi, đáp án, xây dựng thang điểm/tiêu chí đánh giá theo chuẩn đầu ra của học phần.

2. Xây dựng bảng ma trận các chuẩn đầu ra học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Căn cứ vào bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần trong đề cương các học phần cốt lõi, khoa/bộ môn quản lý học phần xây dựng bảng ma trận các chuẩn đầu ra học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (các biểu mẫu tại mục 1 “Biểu mẫu ma trận học phần và đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo”, phụ lục 2) gửi về Trung tâm Quản lý chất lượng và Phòng Đào tạo đối với các chương trình đại học, Phòng Quản lý Sau đại học đối với các chương trình sau đại học.

3. Xây dựng đề/ngân hàng câu hỏi kiểm tra/thi học phần

a) Căn cứ vào các chuẩn đầu ra học phần, phương thức, hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá đã được xác định trong đề cương học phần, giảng viên ra đề kiểm tra/thi đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra; sử dụng ma trận đề thi để phân bố câu hỏi phù hợp với trọng số của từng chuẩn đầu ra;

b) Đối với đánh giá quá trình, tùy thuộc vào đặc thù của học phần, các câu hỏi/bài tập dùng để đánh giá chuẩn đầu ra học phần là các câu hỏi/bài tập đánh giá ở mức thấp hơn hoặc bằng mức năng lực của chuẩn đầu ra được nêu trong đề cương học phần;

c) Đối với đánh giá cuối kỳ, các câu hỏi/bài tập dùng để đánh giá chuẩn đầu ra học phần thì toàn bộ câu hỏi/bài tập đánh giá ở mức năng lực bằng với mức năng lực của chuẩn đầu ra được nêu trong đề cương học phần;

d) Đối với đánh giá cuối kỳ bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan, phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trọng số điểm các CLO tham gia bài thi cuối kỳ phải tương ứng với trọng số các CLO trong ngân hàng đề thi (sai số +/- 10%);

- Tỷ lệ các câu hỏi trong bài thi có mức độ khó, dễ phải tương ứng với ngân hàng đề thi (sai số +/- 10%).

4. Tổ chức kiểm tra/thi và chấm điểm

Việc tổ chức kiểm tra và chấm điểm thực hiện theo Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Điểm bài thi được chấm cho từng câu hỏi thi và theo các tiêu chí đã quy định trong tiêu chí đánh giá.

5. Nhập điểm kiểm tra/thi

Việc nhập điểm kiểm tra/thi được thực hiện theo Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

6. Đo lường chuẩn đầu ra học phần (các biểu mẫu tại mục 2 “Biểu mẫu tổng hợp, tính điểm và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra (CLO, PLO, phụ lục 2)

a) Đầu học kỳ, giảng viên cùng giảng dạy học phần họp để thống nhất kế hoạch đo chuẩn đầu ra học phần. Trong kế hoạch này, giảng viên cần xác định mức thang đo phân loại (Bloom) chuẩn đầu ra học phần (CLO), phương pháp đánh giá CLO (mô tả phương pháp cụ thể), rubric để đánh giá CLO, thời điểm đánh giá CLO (chọn: Quá trình/Giữa kỳ/Cuối kỳ) (Mẫu: 02_CĐR, phụ lục 2);

b) Chuẩn đầu ra học phần được tính như sau:

$$TB_CLO_i = [(CLO_i_ĐQT \times \%_ĐQT) + (CLO_i_ĐCK \times \%_ĐCK)] / (\%_ĐQT + \%_ĐCK)$$

Trong đó:

TB_CLO_i : Điểm trung bình chuẩn đầu ra học phần CLO_i

$CLO_i_ĐQT$: Điểm thành phần của chuẩn đầu ra học phần CLO_i thuộc điểm quá trình

$CLO_i_ĐCK$: Điểm thành phần của chuẩn đầu ra học phần CLO_i thuộc điểm cuối kỳ

$\%_ĐQT$: Trọng số điểm quá trình tham gia đánh giá chuẩn đầu ra

$\%_ĐCK$: Trọng số điểm cuối kỳ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra

Ghi chú:

- Điểm trung bình CLO phải bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần có tính đến trọng số điểm (được trình bày trong mục đánh giá học phần của đề cương học phần);

- Điểm thành phần CLO phải được quy về thang điểm 10 khi đánh giá điểm trung bình CLO;

- Trường hợp có CLO cấp 2 thì phải tính trung bình cho kết quả CLO cấp 1.

c) Khoa tổ chức thu thập dữ liệu và đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra các học phần. Giảng viên phụ trách học phần thực hiện giảng dạy, tổ chức kiểm tra, đánh giá,

chấm điểm theo từng lớp học phản đối với điểm quá trình; giảng viên phụ trách học phần có trách nhiệm thực hiện các công việc đánh giá chuẩn đầu ra và lưu trữ kết quả đánh giá chuẩn đầu ra học phần theo hướng dẫn (Giảng viên thực hiện mẫu 03A_CDR, mẫu 03B_CDR; TT QLCL xuất kết quả điểm thi cuối kì về khoa để giảng viên thực hiện mẫu 03C_CDR, mẫu 04_CDR và mẫu 5B_CDR, phụ lục 2);

d) Khoa gửi kết quả đánh giá chuẩn đầu ra học phần cốt lõi về Phòng Đào tạo/Phòng Quản lý sau đại học để công bố cho người học cùng với điểm tổng kết học phần và kết luận (đạt/không đạt) (mẫu 5B_IN, phụ lục 2). Người học được công nhận đạt học phần khi đáp ứng đồng thời 2 điều kiện sau:

Đạt điểm tổng kết học phần (GPA) $\geq 4,0$ đối với trình độ đại học, GPA $\geq 5,5$ đối với trình độ sau đại học; và từng chuẩn đầu ra CLO của học phần $\geq 4,0$ đối với các trình độ của giáo dục đại học;

Trường hợp người học không đạt một trong 2 tiêu chí trên thì phải đăng ký học lại học phần cốt lõi.

(Các mẫu 02_CDR, mẫu 03A_CDR, mẫu 03B_CDR, mẫu 03C_CDR, mẫu 04_CDR và mẫu 5B_CDR, phụ lục 2 gửi về Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Sau đại học)

e) Đối với các học phần không phải là học phần cốt lõi, khoa đánh giá chuẩn đầu ra các học phần và đề xuất các giải pháp cải tiến để cải thiện chất lượng dạy và học của học phần và gửi kết quả đánh giá về Trung tâm Quản lý chất lượng (Mẫu 06_CDR, phụ lục 2).

7. Đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Mẫu 5A_CDR, phụ lục 2)

a) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được tính như sau:

$$PLO_i = [(TB_CLO_i \times T_{CHPA}) + (TB_CLO_j \times T_{CHPB}) \dots] / (T_{CHPA} + T_{CHPB} \dots)$$

Trong đó:

- PLO_i : Kết quả đạt được các PLO cấp 1 của chương trình đào tạo
- TB_CLO_i , TB_CLO_j : Điểm trung bình các CLO tham gia đánh giá PLO_i từ các học phần cốt lõi
- T_{CHPA} , T_{CHPB} : Số tín chỉ các học phần cốt lõi tham gia đánh giá có liên quan PLO_i

Ghi chú:

- Trường hợp các CLO thuộc PLO cấp 2 thì khi đánh giá PLO được tính trực tiếp vào PLO cấp 1, không phải thông qua bước tính trung bình PLO cấp 2;
- PLO được đánh giá qua tổng hợp CLO của học phần cốt lõi;
- Điểm PLO tính trung bình có trọng số theo tín chỉ.

b) Việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của người học được thực hiện trước mỗi đợt xét tốt nghiệp hằng năm cho người học đã hoàn thành các trình độ của theo Quy định đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo hình thức chính quy và

hình thức vừa làm vừa học của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu điểm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của người học được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá chuẩn đầu ra học phần cốt lõi tại Khoản 6, Điều 12;

c) Điểm đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được tính từ điểm trung bình của các chuẩn đầu ra học phần cốt lõi tham gia đánh giá chuẩn đầu ra có tính đến số lượng tín chỉ của các học phần cốt lõi tham gia;

d) Người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo sau khi có kết quả điểm của tất cả chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đạt từ 4,0 trở lên (theo thang điểm 10) đối với các trình độ của giáo dục đại học.

8. Báo cáo đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra

a) Giảng viên phụ trách học phần có trách nhiệm thực hiện các công việc đánh giá chuẩn đầu ra và lưu trữ kết quả đánh giá chuẩn đầu ra học phần theo hướng dẫn (Giảng viên thực hiện mẫu 03A_CĐR, mẫu 03B_CĐR; TT QLCL xuất kết quả điểm thi cuối kì về khoa để giảng viên thực hiện mẫu 03C_CĐR, mẫu 04_CĐR và mẫu 5B_CĐR, phụ lục 2).

b) Khoa gửi kết quả đánh giá chuẩn đầu ra học phần cốt lõi về Phòng Đào tạo/Phòng Quản lý sau đại học để công bố cho người học cùng với điểm tổng kết học phần và kết luận (đạt/không đạt) (mẫu 5B_IN, phụ lục 2).

Đối với các học phần không phải là học phần cốt lõi, khoa đánh giá chuẩn đầu ra các học phần và đề xuất các giải pháp cải tiến để cải thiện chất lượng dạy và học của học phần và gửi kết quả đánh giá về Trung tâm Quản lý chất lượng (Mẫu 06_CĐR, phụ lục 2).

c) Sau khi thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của người học, Khoa thực hiện báo cáo đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (gửi về Trung tâm Quản lý chất lượng) từ đó làm cơ sở triển khai các hoạt động cải tiến hoặc công bố cho các bên liên quan của chương trình đào tạo (Mẫu 07_CĐR, phụ lục 2).

Điều 13. Đánh giá chất lượng câu hỏi trong đề thi do Trung tâm Quản lý chất lượng quản lý

1. Chất lượng câu hỏi trong đề thi được đánh giá dựa trên lý thuyết khảo thí, trong đó điểm quan sát của người học được xem là tổng của điểm thật và sai số đo lường. Căn cứ lý thuyết khảo thí, các câu hỏi trong đề thi phải được phân tích để xác định độ tin cậy, tính hợp lệ và mức độ phù hợp với mục tiêu đánh giá.

2. Việc đánh giá chất lượng câu hỏi trong đề thi được thực hiện thông qua các tham số thống kê gồm độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy, tương quan câu hỏi - tổng điểm, sai số đo lường và các tham số kỹ thuật khác tùy theo hình thức đánh giá. Phương pháp và cách tính các tham số này được quy định tại Phụ lục 3 (bảng các tham số đánh giá chất lượng câu hỏi đề thi).

3. Đối với các câu hỏi trong đề thi trắc nghiệm khách quan, việc phân tích phải sử dụng đầy đủ các tham số: độ khó (P), độ phân biệt (D) và độ tin cậy (R). Đối với các hình thức đánh giá khác: tự luận, vấn đáp, báo cáo hoặc đánh giá theo chuẩn đầu ra, việc phân tích được thực hiện thông qua tham số độ khó (P) và độ phân biệt (D) bảo đảm phản ánh đúng đặc trưng của từng loại hình đánh giá.

4. Kết quả phân tích chất lượng câu hỏi trong đề thi là căn cứ để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ câu hỏi không đạt yêu cầu; đồng thời phục vụ cải tiến ngân hàng câu hỏi và hoàn thiện đề thi nhằm bảo đảm tính giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong đánh giá người học. (Biểu mẫu BM-QLCL-01-DGCH, mục 3, phụ lục 2).

Điều 14. Sử dụng kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học

1. Kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được sử dụng làm căn cứ phục vụ hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học; đồng thời là cơ sở để cố vấn học tập tư vấn, định hướng lộ trình học tập phù hợp cho người học.

2. Kết quả đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là điều kiện bắt buộc để xét công nhận tốt nghiệp; người học chỉ được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra theo quy định của chương trình đào tạo.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Trung tâm Quản lý chất lượng có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và giám sát việc triển khai quy định đo lường và đánh giá theo chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; tổ chức tập huấn, hỗ trợ các đơn vị trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Đào tạo/Phòng Quản lý Sau đại học rà soát chương trình đào tạo và đề cương học phần bảo đảm đáp ứng yêu cầu đánh giá theo chuẩn đầu ra; đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế đào tạo để phù hợp với quy định về đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

3. Phòng Công tác Sinh viên tổ chức phổ biến và quán triệt các quy định liên quan đến đo lường và đánh giá chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cho người học biết và thực hiện.

4. Viện Chuyển đổi số có trách nhiệm xây dựng, vận hành và nâng cấp các hệ thống phần mềm quản lý học tập, kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

5. Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện dự trù, bố trí và thanh quyết toán kinh phí phục vụ các hoạt động đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo quy định của Nhà trường.

6. Khoa và giảng viên tổ chức triển khai các quy định về đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra; thực hiện đầy đủ trách nhiệm chuyên môn; đồng thời thông tin, hướng dẫn người học nắm rõ các yêu cầu liên quan đến kiểm tra, đo lường và đánh giá theo chuẩn đầu ra.

7. Các đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động, phối hợp và tạo điều kiện để bảo đảm hoạt động đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế toàn bộ các văn bản hướng dẫn, thông báo trước đây có nội dung liên quan về đo lường và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2024 trở về trước thuộc trình độ đại học thực hiện theo thông báo của Trường.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Quản lý chất lượng để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

3. Trường các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai và thi hành Quyết định này./.

UG. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

THƯƠNG



PHỤ LỤC 1. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC

(Ban hành kèm theo quyết định số 5356/QĐ-DCT ngày 31/12/2025)

PL 1.1. Cách thức thực hiện của một số phương pháp dạy học tích cực

STT	Phương pháp dạy học tích cực	Cách thức thực hiện
1	Phương pháp dạy nhóm	- Giảng viên giới thiệu về chủ đề; - Xác định nhiệm vụ chung và phân chia các nhóm; - Người học thực hiện thảo luận, làm việc nhóm; - Báo cáo kết quả làm việc cho giảng viên; - Giảng viên đánh giá kết quả làm việc nhóm; - Kỹ thuật phân chia nhóm: giảng viên có thể chia nhóm dựa vào thứ tự điểm danh, dựa theo hình ghép, dựa theo sở thích chung của người học hoặc dựa vào tháng sinh của người học để tạo nhóm với nhau.
2	Phương pháp nghiên cứu các trường hợp điển hình	- Người học sẽ cùng nghe hoặc xem về một trường hợp điển hình nào đó qua văn bản, các đoạn ghi âm, clip, video,...; - Suy ngẫm về câu chuyện đó; - Tiến hành trao đổi dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
3	Phương pháp giải quyết vấn đề	- Xác định vấn đề cần giải quyết; - Tìm kiếm các dữ liệu, thông tin liên quan đến vấn đề; - Liệt kê các biện pháp có thể giải quyết vấn đề; - Phân tích và đánh giá hiệu quả của từng biện pháp; - Chọn biện pháp tối ưu nhất và thực hiện biện pháp đó; - Rút kinh nghiệm khi giải quyết vấn đề khác.
4	Phương pháp nhập vai	- Giảng viên đưa ra chủ đề, chia nhóm và đưa ra tình huống cho người học và yêu cầu người học nhập vai; - Các nhóm cùng nhau thảo luận về tình huống; - Các nhóm lần lượt diễn thử; - Cả lớp thảo luận, đánh giá về khả năng diễn, tình huống, cách ứng biến; - Giảng viên đưa ra kết luận, định hướng cho người học đâu là cách ứng xử tốt nhất và giải thích lý do, ý nghĩa.
5	Phương pháp trò chơi	- Giảng viên phổ biến về trò chơi gồm tên, nội dung và quy tắc trò chơi; - Người học tiến hành chơi thử;



STT	Phương pháp dạy học tích cực	Cách thức thực hiện
		- Đánh giá và thảo luận để nêu ra ý nghĩa, bài học rút ra sau khi kết thúc trò chơi.
6	Phương pháp dự án	Bước 1: Lập kế hoạch - Xác định chủ đề; - Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập. Bước 2: Thực hiện dự án - Tìm kiếm dữ liệu, thông tin; - Tiến hành điều tra, thảo luận với các thành viên trong nhóm. Bước 3: Tổng hợp kết quả - Tổng hợp các kết quả tìm được; - Lên kế hoạch và trình bày về kết quả tìm được; - Phản ánh lại kết quả trong quá trình học tập.
7	Phương pháp nghiên cứu, thực nghiệm	- Người học trực tiếp tham gia nghiên cứu, tiến hành các thí nghiệm để tự tìm ra câu trả lời cho vấn đề.
8	Phương pháp dạy học theo góc	- Người học thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, ở các vị trí cụ thể trong phạm vi lớp học và đáp ứng được nhiều phong cách học tập khác nhau. - Ví dụ: khi có các chủ đề về môi trường hoặc giao thông, giảng viên có thể tổ chức các góc (viết, vẽ, đọc, xem video, thảo luận,...).

PL 1.2. Phương pháp dạy học phù hợp với thang đo chuẩn đầu ra về kiến thức

Mức Bloom	Năng lực người học	Phương pháp dạy học phù hợp
Remember	Nhớ/Biết	Giảng giải có cấu trúc, đọc có hướng dẫn, quiz nhanh,...
Understand	Hiểu	Hỏi-đáp gợi mở, sơ đồ khái niệm, thảo luận ngắn,...
Apply	Áp dụng	Bài tập tình huống, mô phỏng, thực hành có hướng dẫn
Analyze	Phân tích	Case study, phân tích dữ liệu, thảo luận có dẫn dắt,...
Evaluate	Tổng hợp, đánh giá,	Phản biện nhóm, review chéo, seminar,...

Mức Bloom	Năng lực người học	Phương pháp dạy học phù hợp
Create	Sáng tạo	Dự án, capstone, học theo vấn đề (PBL),...

PL 1.3. Phương pháp dạy học phù hợp với thang đo chuẩn đầu ra về kỹ năng hành vi

Mức Dave	Năng lực thao tác	Động từ thường dùng	Phương pháp dạy học phù hợp
Imitation	Bắt chước	Thực hiện/làm theo	Trình diễn mẫu, video minh họa, làm theo hướng dẫn,...
Manipulation	Thao tác có hướng dẫn	Thực hành, tham gia	Thực hành có kịch bản, bài tập mô phỏng,...
Precision	Thực hiện chính xác	Thực hiện đúng	Thực hành lặp lại, bài tập có tiêu chí rõ,...
Articulation	Phối hợp kỹ năng	Phối hợp, tích hợp	Dự án nhóm, thực hành tích hợp,...
Naturalization	Tự nhiên hóa	Thực hiện thuần thục	Thực tập dài hạn, làm việc thực tế,...

PL 1.4. Bảng liên thông Bloom – Dave – Phương pháp dạy học

Chuẩn năng lực yêu cầu	Bloom	Dave	Phương pháp dạy học tiêu biểu
Nắm khái niệm-thuật ngữ	Remember – Understand		Giảng giải, sơ đồ khái niệm,...
Vận dụng kiến thức cơ bản	Apply	Manipulation	Bài tập tình huống, mô phỏng,...
Phân tích vấn đề thực tiễn	Analyze	Precision	Case study, phân tích dữ liệu,...
Thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp	Apply – Analyze	Precision – Articulation	Dự án, thực hành, thực tập,...
Giải quyết vấn đề tích hợp	Analyze – Evaluate	Articulation	Học theo vấn đề PBL, capstone,...

PHỤ LỤC 2. BIỂU MẪU ĐÓNG, ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo quyết định số **539** /QĐ-DCT ngày **31** /**12**/2025)

STT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Mục đích sử dụng
1. Biểu mẫu ma trận học phần và đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
1	BM-QLCL-0601	Ma trận các học phần cốt lõi, ma trận các CLO tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.	Cho biết toàn bộ học phần cốt lõi và các CLO của các học phần đó tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
2	BM-QLCL-0601b	Ma trận các học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra do Bộ môn quản lý.	Cho biết các học phần do Bộ môn quản lý sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng năm học.
3	BM-QLCL-0602b	Danh sách học phần cốt lõi và các học phần tham gia đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra theo từng học kỳ.	Cho biết các học phần do sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng học kỳ của năm học theo chương trình đào tạo.
4	BM-QLCL-0601-Th.S	Ma trận các học phần cốt lõi, ma trận các CLO tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.	Cho biết toàn bộ học phần cốt lõi và các CLO của các học phần đó tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
5	BM-QLCL-0601b-Th.S	Ma trận các học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra do Bộ môn quản lý.	Cho biết các học phần do Bộ môn quản lý sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng năm học.
6	BM-QLCL-0602b-Th.S	Danh sách học phần cốt lõi và các học phần tham gia đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra theo từng học kỳ.	Cho biết các học phần do sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng học kỳ của năm học theo chương trình đào tạo.
7	BM-QLCL-0601-TS	Ma trận các học phần cốt lõi, ma trận các CLO tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.	Cho biết toàn bộ học phần cốt lõi và các CLO của các học phần đó tham gia đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
8	BM-QLCL-0601b-TS	Ma trận các học phần tham gia đánh giá chuẩn đầu ra do Bộ môn quản lý.	Cho biết các học phần do Bộ môn quản lý sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng năm học.

STT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Mục đích sử dụng
9	BM-QLCL-0602b-TS	Danh sách học phần cốt lõi và các học phần tham gia đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra theo từng học kỳ.	Cho biết các học phần do sẽ tham gia đánh giá chuẩn đầu ra từng học kỳ của năm học theo chương trình đào tạo.
2. Biểu mẫu tổng hợp, tính điểm và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra (CLO, PLO)			
10	Mẫu 02_CĐR	Kế hoạch đánh giá học phần.	Cho biết hình thức đánh giá CLO, rubrics, thời điểm đánh giá CLO.
11	Mẫu 03A_CĐR	Danh sách ghi điểm quá trình.	Mẫu này dùng để ghi nhận từng thành phần điểm quá trình của học phần (tương ứng với Mục 7 đề cương chi tiết học phần).
12	Mẫu 03B_CĐR	Các bài đánh giá CLO thuộc điểm quá trình.	Mẫu này dùng để ghi nhận điểm từng CLO của học phần qua các hình thức đánh giá trong phần điểm quá trình.
13	Mẫu 03C_CĐR	Điểm thi cuối kỳ đánh giá CLO	Mẫu này dùng để ghi nhận điểm từng CLO của học phần thuộc thành phần điểm cuối kỳ (Thi cuối kỳ); dữ liệu điểm này được Trung tâm Quản lý chất lượng trích xuất về cho Khoa.
14	Mẫu 04_CĐR	Điểm tổng kết (GPA) học phần	Mẫu này dùng để tổng hợp điểm (GPA) quá trình và điểm thi cuối kỳ.
15	Mẫu 5A_CĐR	Kết quả đánh giá PLO chương trình đào tạo	Mẫu này dùng để tổng hợp toàn bộ điểm TB CLO của các học phần, đánh giá PLO chương trình đào tạo khi xét tốt nghiệp.
16	Mẫu 5B_CĐR	Kết quả đánh giá CLO học phần	Mẫu này dùng để tập hợp toàn bộ điểm quá trình và điểm cuối kỳ của các CLO theo từng học phần cốt lõi.
17	Mẫu 5B_IN	Kết quả đánh giá CLO học phần	Bản in này dùng để nộp Phòng Đào tạo, có thêm tiêu đề, dữ

STT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Mục đích sử dụng
			liệu thống kê phía dưới và chữ ký.
18	Mẫu 06_CDR	Báo cáo đánh giá chuẩn đầu ra học phần	Mẫu này dùng để báo cáo đánh giá chuẩn đầu ra các học phần và đề xuất các giải pháp cải tiến để cải thiện chất lượng dạy và học của học phần.
19	Mẫu 07_CDR	Báo cáo đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mẫu này dùng để báo cáo đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và đề xuất các giải pháp cải tiến để cải thiện chất lượng dạy và học của chương trình đào tạo.
3. Biểu mẫu đánh giá câu hỏi đề thi			
20	BM-QLCL-01-DGCH	Báo cáo đánh giá câu hỏi đề thi trắc nghiệm	Thống kê các kết quả phân tích đánh giá chất lượng câu hỏi trong đề thi, đưa ra nhận xét và đề xuất cải tiến chất lượng câu hỏi trong đề thi đồng thời cải tiến chất lượng đề thi.



PHỤ LỤC 3. CÁC THAM SỐ ĐẶC TRƯNG CHO CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VÀ ĐỀ TRẮC NGHIỆM

(Ban hành kèm theo quyết định số **5396** /QĐ-DCT ngày **31/12/2025**)

STT	Tham số	Ý nghĩa	Cách tính	Biện luận
1	Độ khó của câu hỏi trắc nghiệm (P)	Cho biết tỷ lệ thí sinh trả lời đúng câu hỏi, phản ánh mức độ dễ hay khó của câu hỏi.	Công thức đối với hình thức thi trắc nghiệm khách quan $P = \frac{R}{N}$ Trong đó: P: độ khó của câu hỏi R: số thí sinh trả lời đúng câu hỏi (a) N: tổng số thí sinh tham gia trả lời câu hỏi (a)	P là tỷ lệ thí sinh trả lời đúng câu hỏi. $0 \leq P \leq 1$ P = 0: Tất cả thí sinh đều trả lời sai câu hỏi. P = 0,5: Câu hỏi có độ khó trung bình. P = 1: Tất cả thí sinh đều trả lời đúng câu hỏi. P càng lớn câu hỏi càng dễ, P càng gần 0 câu hỏi càng khó. 0 < P < 0,25: Câu hỏi có độ khó cao. 0,25 ≤ P ≤ 0,75: Độ khó vừa phải có thể chấp nhận được. 0,75 < P < 1: Câu hỏi dễ, không có khả năng phân loại được thí sinh.
2	Độ phân biệt của câu hỏi trắc nghiệm (D)	Cho biết khả năng của câu trắc nghiệm thực hiện được sự phân biệt giữa nhóm thí sinh giỏi và nhóm thí sinh kém.	Sắp thứ tự danh sách thí sinh theo số câu làm đúng giảm dần. Nhóm cao gồm 27% thí sinh đầu danh sách và nhóm thấp gồm 27% thí sinh cuối danh sách. $D = \frac{g_t - g_d}{g}$ Trong đó: D: Độ phân biệt của câu hỏi g_t: Tỷ lệ thí sinh trả lời đúng ở nhóm cao g_d: Tỷ lệ thí sinh trả lời đúng ở nhóm thấp g: Số người học mỗi nhóm (trên hoặc dưới)	Nếu D > 0: Câu hỏi có khả năng phân biệt giữa nhóm thí sinh có năng lực cao và nhóm thí sinh có năng lực thấp. Nếu D = 0: Câu hỏi không có khả năng phân biệt giữa nhóm thí sinh có năng lực cao với nhóm thí sinh có năng lực thấp. D = 0 xảy ra trong trường hợp tất cả các thí sinh đều trả lời đúng câu hỏi (a) (P = 1) hoặc tất cả các thí sinh đều trả lời sai câu hỏi (a) (P = 0). Nếu D < 0: Số thí sinh ở nhóm năng lực thấp có khả năng trả lời đúng câu hỏi nhiều hơn số thí sinh ở nhóm năng lực cao. Các

STT	Tham số	Ý nghĩa	Cách tính	Biện luận
			D = Tỷ lệ trả lời đúng ở nhóm cao – Tỷ lệ trả lời đúng ở nhóm thấp.	câu hỏi có $D < 0$ cần phải xem xét lại. $D \geq 0,40$: Rất tốt $0,30 \leq D \leq 0,39$: Tốt $0,20 \leq D \leq 0,29$: Chấp nhận được $D < 0,19$: Kém, phải loại bỏ hoặc thay đổi nâng cao độ phân biệt (Các câu hỏi chưa có khả năng phân loại thí sinh, nên xem lại câu hỏi và các phương án nhiều cho phù hợp).
3	Độ tin cậy của đề trắc nghiệm (R)	Cho biết độ chính xác và ổn định của đề trắc nghiệm khách quan. Đề trắc nghiệm có độ tin cậy nghĩa là điểm số hầu như không thay đổi nếu thí sinh làm lại một đề tương đương. Đây chính là đại lượng biểu thị mức độ chính xác của phép đo nhờ đề trắc nghiệm.	Công thức Kuder – Richchardson 20 $R_{tt} = \left(\frac{L}{L-1} \right) \left(1 - \frac{\sum pq}{\sigma_t^2} \right)$ L: Thể hiện con số đề thi (hoặc gọi là độ dài trắc nghiệm) σ_t^2 : Biểu thị phương sai tổng số điểm trắc nghiệm p: biểu thị tỷ lệ người làm đúng q = 1-p: biểu thị số người làm sai mỗi câu trắc nghiệm	Công thức Kuder – Richchardson 20 Là trường hợp đặc biệt của hệ số Cronbach Alpha khi câu có kết quả là Đ/S. $R < 0,8$: kém $R = 0,8 - 0,9$: chấp nhận được $R > 0,9$: tốt

STT	Tham số	Ý nghĩa	Cách tính	Biện luận
6	Độ giá trị của đề trắc nghiệm	Độ giá trị của đề trắc nghiệm là khả năng đo lường đúng mức độ đạt được của người học về nội dung cần đánh giá. Độ giá trị của đề thi có thể được đánh giá thông qua việc phân tích kết quả đánh giá người học (bài thi đã thực hiện) bằng các chỉ số cơ bản như: độ khó và độ phân biệt. Độ giá trị của đề trắc nghiệm là yếu tố quan trọng nhất, phản ánh mức độ đo lường đúng giá trị nội dung cần đo tức là thể hiện đúng mức độ đạt được các mục tiêu đã đề ra trong phép đo hoặc bài trắc nghiệm. Đây chính là đại lượng biểu thị mức độ đạt được mục tiêu đề ra cho phép đo nhờ đề trắc nghiệm. Để độ giá trị của đề thi trắc nghiệm cao, cần xác định tỉ mỉ mục tiêu cần đo và bám sát mục tiêu đó trong quá trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi. Độ giá trị và độ tin cậy của đề thi trắc nghiệm có mối liên hệ với nhau. Một đề thi có độ tin cậy thấp thì không thể có độ giá trị cao. Tuy nhiên, độ tin cậy cao chưa chắc đã đảm bảo độ giá trị, vì có thể không phản ánh đúng đối tượng cần đo.		
7	Tính công bằng	Đề trắc nghiệm đảm bảo tính công bằng khi mọi khía cạnh đánh giá (nội dung, hình thức, yêu cầu phương pháp, cách tiếp cận, công cụ giải quyết nhiệm vụ,...) đều như nhau đối với tất cả người học. Để nâng cao tính công bằng của đề trắc nghiệm, cần rà soát các điểm bất thường trong kết quả đánh giá thể hiện sự thiếu công bằng giữa các nhóm người học. Từ những điểm bất thường đó, tiến hành đánh giá, phân tích đề trắc nghiệm nhằm phát hiện hạn chế, thiếu sót và thực hiện cải tiến để đảm bảo sự công bằng trong đánh giá.		

(Nguồn: Lâm Quang Thiệp, 2014)



PHỤ LỤC 4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÂU HỎI TRONG ĐỀ TRẮC NGHIỆM

(Ban hành kèm theo quyết định số **5396** /QĐ-DCT ngày **31** / **12** /2025)

1. Thông tin chung về học phần đánh giá

Tên học phần:...

Số tín chỉ:...

Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

Kỳ thi: Cuối kỳ/Giữa kỳ

Năm học:...

2. Thống kê kết quả

Các tham số kết quả phân tích đánh giá chất lượng câu hỏi trong đề thi/bài kiểm tra được trình bày trong bảng sau:

Mã đề thi	Số người học dự thi	Điểm trung bình	Điểm trội	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Độ khó (P)				Độ phân biệt (D)			Độ tin cậy (R) của đề trắc nghiệm (nếu có)
						Câu hỏi dễ	Câu hỏi trung bình	Câu hỏi khó	P = 0 hoặc P = 1	Câu hỏi phải xem xét lại	D = 0	D < 0	

3. Nhận xét

- Biểu đồ phân bố điểm:...

- Độ khó (P) của các câu hỏi:...

- Độ phân biệt (D) của các câu hỏi:...

- Độ tin cậy (R) của đề trắc nghiệm (nếu có):...

(Những nhận xét trong mục này dựa trên bảng số liệu mục 2 ở trên)

4. Báo cáo và đề xuất cải tiến

- Báo cáo và đề xuất cải tiến chất lượng câu hỏi

(Người viết báo cáo cần đưa ra đề xuất khác nhau cho từng đề thi/bài kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng câu hỏi)

- Báo cáo và đề xuất điều chỉnh cấu trúc ma trận đề thi.

(Người viết báo cáo cần đưa ra đề xuất khác nhau cho từng đề thi nhằm tối ưu cấu trúc, đảm bảo cân đối độ khó và phân bố câu hỏi).

5. Kết luận

Phần này kết luận về chất lượng đề thi, đồng thời người viết báo cáo cần đưa ra kết luận khác nhau cho từng đề thi/ bài kiểm tra dựa trên kết quả phân tích.